

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-04
2. BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	05-06
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07-10
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	11
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-42

5993
CƠ
KẾ N
KIẾ
I.
1-7

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ trang 07 đến trang 42 cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Các thành viên của Hội đồng thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch (từ ngày 01/01/2021 đến 10/01/2022)
Ông	Nguyễn Phương Đông	Thành viên (từ ngày 05/02/2021 đến nay)
Ông	Lê Ngọc Hải	Thành viên
Bà	Đặng Thị Hoàng Anh	Thành viên (từ ngày 01/01/2021 đến 30/12/2021)

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc (từ ngày 01/01/2021 đến 04/02/2021)
Ông	Nguyễn Phương Đông	Tổng Giám đốc (từ ngày 05/02/2021 đến nay)
Ông	Lê Tấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Trương Đức Mai	Trưởng ban (từ ngày 01/01/2021 đến 27/04/2021)
Ông	Đào Công Năm	Thành viên (từ ngày 01/01/2021 đến 27/04/2021)
Ông	Lê Bình Cường	Thành viên

2. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV là Tổng Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300713668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Tổng Công ty được chuyển đổi từ Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 08 năm 2006.

Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ theo đăng ký của Tổng Công ty là 2.608.462.000.000 đồng. Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.608.462.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Thuốc lá Bến Thành	: Lô 28 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.
Nhà máy Cơ khí CNS	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Nhà máy CNS Thanh Phát	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội	: Lô 26 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty được công bố tại chỉ tiêu V.2b của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất và mua bán các loại thuốc lá; trồng và mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá;
- Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì, giấy nhãn, thùng hộp, các loại sản phẩm cơ khí, điện, điện tử, tin học, sản phẩm bằng cao su, nhựa, nguyên vật liệu, hóa chất ngành cao su - nhựa, hóa chất, bột màu công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu công nghệ mới, in bao bì;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng; nghiên cứu chuyển giao công nghệ;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị và công trình ngành thuốc lá, công - nông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trường học, bến tàu, cầu cảng;
- Kinh doanh nhà ở, kho bãi, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại: Số 58 - 60, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tổng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các thông tin khác:

4.1 Tài sản lưu động

Trước khi các báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Tổng Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Thuốc lá Bến Thành	: Lô 28 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.
Nhà máy Cơ khí CNS	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Nhà máy CNS Thanh Phát	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội	: Lô 26 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty được công bố tại chi tiêu V.2b của Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước.

Hoạt động chính của Công ty:

- Sản xuất và mua bán các loại thuốc lá; trồng và mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá;
- Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì, giấy nhãn, thùng hộp, các loại sản phẩm cơ khí, điện, điện tử, tin học, sản phẩm bằng cao su, nhựa, nguyên vật liệu, hóa chất ngành cao su - nhựa, hóa chất, bột màu công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu công nghệ mới, in bao bì;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng; nghiên cứu chuyển giao công nghệ;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị và công trình ngành thuốc lá, công - nông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trường học, bến tàu, cầu cảng;
- Kinh doanh nhà ở, kho bãi, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại: Số 58 - 60, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tổng Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các thông tin khác:

4.1 Tài sản lưu động

Trước khi các báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Tổng Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.2 Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm

Ban Tổng Giám đốc nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

4.3 Thế chấp tài sản và các khoản nợ ngoài dự kiến sau khi kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, vào ngày lập báo cáo này, không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Tổng Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Tổng Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Tổng Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.

4.4 Các nghiệp vụ trọng yếu bất thường

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các hoạt động của Tổng Công ty trong năm tài chính được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh trong khoảng thời gian từ cuối năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này.

5. Kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán đã đăng ký được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Xác nhận:

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty có khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn trị giá 19.752.000.000 đồng. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa được cung cấp báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn, các thủ tục kiểm toán thay thế khác mà chúng tôi áp dụng cũng không cung cấp cho chúng tôi bằng chứng thích hợp để chúng tôi có thể đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư này, vì vậy chúng tôi không trình bày ý kiến của mình về những ảnh hưởng (nếu có) về khả năng thu hồi khoản đầu tư trên đến các chỉ tiêu tài chính liên quan trên báo cáo tài chính.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Ngày 11 tháng 05 năm 2018, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án phúc thẩm số 470/2018/DS-PT về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo đó, Tổng Công ty là bên liên quan và phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư DDA số tiền nợ gốc 54.945.465.052 đồng và tiền lãi đến ngày 25 tháng 01 năm 2018 là 71.703.831.892 đồng. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ cũng như chưa ước tính các ảnh hưởng từ nghĩa vụ trên đến các chỉ tiêu trình bày trên báo cáo tài chính.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo quan điểm của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH Một thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Công ty TNHH kiểm toán I.T.O



LÊ THỊ MINH NGUYỆT

Phó Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Giấy CNDKHNKT số: 1844-2018-131-1

NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM

Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Giấy CNDKHNKT số: 4247-2018-131-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.561.827.553.074	2.291.290.578.071
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	685.256.335.818	517.524.671.176
1. Tiền	111		335.256.335.818	517.524.671.176
2. Các khoản tương đương tiền	112		350.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3a	600.000.000.000	450.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600.000.000.000	450.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		467.788.659.125	468.896.173.422
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	36.930.071.980	26.356.551.298
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.090.928.573	2.200.316.573
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	455.000.455.584	463.674.934.561
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(26.367.269.578)	(23.450.260.452)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		134.472.566	114.631.442
IV. Hàng tồn kho	140		786.217.715.812	790.375.601.143
1. Hàng tồn kho	141	V.6	786.217.715.812	790.375.601.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		22.564.842.319	64.494.132.330
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	743.255.210	1.939.701.459
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		14.645.618.104	14.363.613.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	7.175.969.005	48.190.817.613
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Mẫu số B01-DN

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.375.398.160.844	1.504.774.290.601
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.210.000	19.210.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	19.210.000	19.210.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		420.330.105.688	485.447.422.924
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	419.975.604.613	485.132.290.254
<i>Nguyên giá</i>	222		1.193.968.931.804	1.193.572.973.669
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(773.993.327.191)	(708.440.683.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	354.501.075	315.132.670
<i>Nguyên giá</i>	228		6.299.492.371	6.247.565.051
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.944.991.296)	(5.932.432.381)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		227.184.026.734	226.791.852.425
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	227.184.026.734	226.791.852.425
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3b	643.612.519.835	701.824.997.411
1. Đầu tư vào công ty con	251		521.107.277.790	521.107.277.790
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		369.629.039.855	392.804.391.515
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		62.352.000.000	62.352.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.11	(309.475.797.810)	(274.438.671.894)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.252.298.587	90.690.807.841
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	84.252.298.587	90.690.807.841
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.937.225.713.918	3.796.064.868.672

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.038.525.410.001	971.390.797.450
I. Nợ ngắn hạn	310		841.349.194.183	804.609.425.518
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	273.189.701.151	309.784.802.044
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.196.945.520	829.824.340
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	255.106.501.974	202.162.380.299
4. Phải trả người lao động	314		112.546.323.416	126.047.471.353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.504.128.417	2.154.923.712
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	49.803.611.804	49.659.304.032
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	19.752.000.000	19.752.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		128.249.981.901	94.218.719.738
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		197.176.215.818	166.781.371.932
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		197.176.215.818	166.781.371.932

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Mẫu số B01-DN

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.898.700.303.917	2.824.674.071.222
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.859.774.074.853	2.785.747.842.158
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.608.462.000.000	2.608.462.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.608.462.000.000	2.608.462.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		251.304.066.226	177.277.833.531
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		8.008.627	8.008.627
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		38.926.229.064	38.926.229.064
1. Nguồn kinh phí	431		38.926.229.064	38.926.229.064
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	431		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.937.225.713.918	3.796.064.868.672



BÙI QUANG PHỤNG
PHỤ TRÁCH KÊ TOÁN



Ngày 26 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.509.969.322.952	3.210.023.643.662
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	17.302.326.182	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	3.492.666.996.770	3.210.023.643.662
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.014.241.984.285	2.788.438.875.351
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		478.425.012.485	421.584.768.311
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	96.133.629.029	60.229.546.286
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	48.496.758.427	24.811.331.338
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	281.322.864
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	1.978.578.267	2.504.345.416
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	222.573.469.053	216.772.514.328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		301.509.835.767	237.726.123.515
11. Thu nhập khác	31	VI.9	1.024.469.478	4.243.467.866
12. Chi phí khác	32	VI.10	1.069.477.268	846.277.068
13. Lợi nhuận khác	40		(45.007.790)	3.397.190.798
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		301.464.827.977	241.123.314.313
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	54.710.718.995	42.766.196.951
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.12	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>246.754.108.982</u>	<u>198.357.117.362</u>

BÙI QUANG PHỤNG
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6.305.141.746.271	5.177.956.480.814
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(5.047.870.897.170)	(2.496.011.011.239)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(205.366.676.843)	(196.975.613.125)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(281.322.864)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(33.161.000.000)	(51.785.881.437)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		80.654.821.098	135.308.185.544
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(902.566.210.851)	(2.232.114.511.602)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		196.831.782.505	336.096.326.091
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(836.059.764)	(720.002.600)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		56.947.243.331	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(600.000.000.000)	(1.200.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		450.000.000.000	750.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		14.987.451.660	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		49.912.388.263	35.156.726.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(28.988.976.510)	(415.063.276.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	343.354.452.073
4. Tiền gốc nợ vay đã trả	34		-	(343.354.452.073)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		167.842.805.995	(78.966.950.004)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	517.524.671.176	596.484.761.237
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(111.141.353)	6.859.943
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		685.256.335.818	517.524.671.176

BÙI QUANG PHỤNG
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2022

NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh này nhằm chú giải một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu được thể hiện trên Báo cáo tài chính niên độ 2021 của Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được trình bày từ trang 07 đến trang 12. Bản chú giải này là bộ phận không thể tách rời của các Báo cáo tài chính.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV là Tổng Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300713668 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 27 tháng 08 năm 2010. Thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 11 năm 2021.

Tổng Công ty được chuyển đổi từ Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000285 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 08 năm 2006.

Công ty có trụ sở đặt tại: Số 58 - 60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán các loại thuốc lá; trồng và mua bán nguyên phụ liệu ngành thuốc lá;
- Sản xuất và bán các sản phẩm bao bì, giấy nhãn, thùng hộp, các loại sản phẩm cơ khí, điện, điện tử, tin học, sản phẩm bằng cao su, nhựa, nguyên vật liệu, hóa chất ngành cao su - nhựa, hóa chất, bột màu công nghiệp, vật liệu xây dựng, vật liệu công nghệ mới, in bao bì;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng; nghiên cứu chuyển giao công nghệ;
- Thiết kế, chế tạo, lắp đặt thiết bị và công trình ngành thuốc lá, công - nông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; kinh doanh du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, khu công nghiệp, trường học, bến tàu, cầu cảng;
- Kinh doanh nhà ở, kho bãi, cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

Không có.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Cấu trúc doanh nghiệp:****Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy Thuốc lá Bến Thành	: Lô 28 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.
Nhà máy Cơ khí CNS	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bà, TP. HCM.
Nhà máy CNS Thạnh Phát	: Lô C26 Đường số 16, KCN Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bà, TP. HCM.
Nhà máy Thuốc lá Khánh Hội	: Lô 28 Đường số 3, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, TP. HCM.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty được công bố tại chỉ tiêu V.2b của Thuy

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài Chính Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các văn bản khác có liên quan.

2. Hình thức kế toán áp dụng:

Áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được soạn thảo trên cơ sở dồn tích, quy ước theo giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành của Việt Nam; Vì vậy, các nguyên tắc và thực hành kế toán đang được áp dụng tại Việt Nam có thể khác thông lệ tại các nước và các thể chế khác.

Các báo cáo tài chính này đã được soạn thảo và trình bày phù hợp theo chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài Chính Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

4. Giả định hoạt động liên tục:

Các báo cáo tài chính được lập trên giả định hoạt động liên tục.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán:

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống và chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam, các quy định này yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, công nợ và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính được lập dựa trên các bằng chứng mà Ban Tổng Giám đốc nghĩ rằng mình đã hiểu rõ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định được đặt ra.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Khi lập báo cáo tài chính, nợ phải thu được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn phụ thuộc vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính.

Phân loại nợ phải thu:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: Theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), TSCĐ thuê tài chính và Bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

TSCĐ hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao tích lũy. Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào hoạt động theo dự tính sử dụng.

Những chi phí mua mới, cải tiến và tân trang nhằm làm thay đổi, tăng thêm tính năng hoạt động của tài sản được hạch toán vào nguyên giá TSCĐ. Những chi phí bảo trì sửa chữa được hạch toán vào tài khoản lãi lỗ.

Khi TSCĐ được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình và vô hình:

TSCĐ hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, xác định trên cơ sở thời gian hữu dụng ước tính của tài sản; tỷ lệ cụ thể hàng năm được vận dụng theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao (%)</u>	<u>Số năm khấu hao (năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 10%	10 - 25
Máy móc, thiết bị	8,33% - 33,33%	3 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10% - 25%	4 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	16,67% - 20%	3 - 5

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng công trình xây dựng.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC):**a. Đối với bên góp vốn**

Ghi nhận vốn góp vào BCC: Góp vốn bằng quyền sử dụng mặt bằng.

Ghi nhận doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng: doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng do bên nhận góp vốn ghi nhận.

b. Đối với bên nhận vốn góp

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của các bên khác: Ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn.

Nguyên tắc phân chia lợi nhuận của hợp đồng: Khoản lợi nhuận sau thuế.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Chi phí trả trước đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn phụ thuộc vào kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính.

Phân loại nợ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản vay được ghi nhận theo số tiền thực tế nhận được, các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, kỳ hạn trả nợ và từng loại tài sản vay nợ.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán được trình bày là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn, các khoản đến hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán được trình bày là khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập báo cáo tài chính, chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán sẽ tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch đó.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí thoả mãn quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận chưa phân phối là khoản lợi nhuận ròng (hoặc lỗ ròng) sau khi trừ đi tất cả các khoản trích nộp, phải trả về cổ tức và các khoản chi bằng nguồn từ lợi nhuận chưa phân phối.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

b. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá...

c. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu phạt vi phạm hợp đồng ...

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, bao gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản này nếu phát sinh trong cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước đến kỳ sau phải giảm giá, chiết khấu thương mại, bị trả lại hàng nhưng thời điểm phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được xem là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo, còn nếu thời điểm phát sinh sau ngày phát hành báo cáo tài chính thì công ty sẽ ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của hàng hoá, dịch vụ, hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo nguyên tắc tương xứng với doanh thu ghi nhận trong cùng một kỳ kế toán.

Giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường; chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế này được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác được ghi nhận tại thời điểm có bằng chứng phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi tiền.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Tổng Công ty ghi nhận đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ không kể đã chi hay chưa chi tiền.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế.

22. Bên liên quan:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Cổ tức:

Cổ tức được ghi nhận khi được Đại hội cổ đông thông qua và được tính từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Không trả cổ tức cho số cổ phiếu quỹ mà Công ty đang nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức. Không dùng khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tại ngày cuối năm tài chính để chi trả cổ tức.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

DVT: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
Tiền		335.256.335.818		517.524.671.176
Tiền mặt		589.150.508		1.217.368.495
<i>Tiền mặt Việt Nam đồng</i>		290.135.783		903.154.101
<i>Tiền mặt ngoại tệ (USD)</i>	3.239,29	73.337.526	3.239,29	74.519.866
<i>Tiền mặt ngoại tệ (EUR)</i>	5.584,35	141.793.962	5.584,35	154.431.904
<i>Tiền mặt ngoại tệ (JPY)</i>	8.000,00	1.551.600	8.000,00	1.730.960
<i>Tiền mặt ngoại tệ (HKD)</i>	7.586,20	21.814.877	7.586,20	22.039.883
<i>Tiền mặt ngoại tệ (GBP)</i>	2.000,00	60.516.760	2.000,00	61.491.780
Tiền gửi ngân hàng		334.667.185.310		516.307.302.681
<i>Tiền gửi Việt Nam đồng</i>		319.768.365.956		515.540.006.429
<i>Tiền gửi ngoại tệ (USD)</i>	657.862,25	14.898.819.354	32.664,67	755.350.439
<i>Tiền gửi ngoại tệ (EUR)</i>	-	-	426,56	11.945.813
Các khoản tương đương tiền (*)		350.000.000.000		-
Cộng		685.256.335.818		517.524.671.176

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn.

2 Phải thu của khách hàng ngắn hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
T-Tech International Limited	35.552.501.907	-	18.717.329.966	-
Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu vực Huyện Củ Chi	-	-	6.270.830.700	-
Phải thu khách hàng khác	1.377.570.073	(857.805.583)	1.368.390.632	(807.435.583)
Cộng	36.930.071.980	(857.805.583)	26.356.551.298	(807.435.583)

3. Các khoản đầu tư tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	600.000.000.000	450.000.000.000
Cộng	600.000.000.000	450.000.000.000

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn, lãi suất 6,2%/năm đến 6,4%/năm.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số dư cuối năm			Số dư đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:	521.107.277.790	502.401.864.712	18.705.413.078	521.107.277.790	513.274.008.614	7.833.269.176
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	235.787.147.455	235.787.147.455	-	235.787.147.455	235.787.147.455	-
Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao TP.HCM	62.100.436.491	60.662.672.532	1.437.763.959	62.100.436.491	60.292.057.808	1.808.378.683
Công ty TNHH MTV Phát triển CVPM Quang Trung	153.490.265.276	153.490.265.276	-	153.490.265.276	153.490.265.276	-
Công ty TNHH CNS Amura Precision	35.435.888.568	35.392.241.699	43.646.869	35.435.888.568	35.392.241.699	43.646.869
Công ty CP Công nghiệp TM Hữu Nghị	34.293.540.000	17.069.537.750	17.224.002.250	34.293.540.000	28.312.296.376	5.981.243.624
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:	369.629.039.855	78.858.655.123	290.770.384.732	392.804.391.515	126.198.988.797	266.605.402.718
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	19.193.594.185	-	19.193.594.185	19.193.594.185	-	19.193.594.185
Công ty CP Nhựa Sài Gòn	44.995.370.370	-	44.995.370.370	44.995.370.370	35.152.217.597	9.843.152.773
Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Đông Dương	30.700.000.000	30.700.000.000	-	30.700.000.000	26.574.184.513	4.125.815.487
Công ty CP Cao su Bến Thành	28.491.075.300	28.491.075.300	-	28.491.075.300	28.491.075.300	-
Công ty CP ĐTTM Bến Thành	14.500.000.000	11.669.653.339	2.830.346.661	14.500.000.000	11.669.653.339	2.830.346.661
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Đông Hà	14.400.000.000	7.905.465.095	6.494.534.905	14.400.000.000	8.888.680.198	5.511.319.802
Công ty CP SAHABAK (1)	58.299.000.000	-	58.299.000.000	58.299.000.000	-	58.299.000.000
Công ty CP Công nghệ Định vị Sài Gòn Track(1)	-	-	-	8.187.900.000	-	8.187.900.000
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga (2)	2.050.000.000	92.461.389	1.957.538.611	2.050.000.000	92.461.389	1.957.538.611
Công ty CP Chi sợi Cao su V.R.G SA DO	157.000.000.000	-	157.000.000.000	157.000.000.000	343.264.801	156.656.735.199
Công ty TNHH KD TMDV Hoa Mai	-	-	-	14.987.451.660	14.987.451.660	-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	62.352.000.000	62.352.000.000	62.352.000.000	62.352.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn (3)	19.752.000.000	19.752.000.000	19.752.000.000	19.752.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển Gia Định	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty CP Cơ khí Sinco	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
Cộng	953.088.317.645	643.612.519.835	976.263.669.305	701.824.997.411

(1) Các Công ty đã giải thể.

(2) Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga đã có Thông báo số 07/TB-CNM ngày 17/12/2020 về việc tạm dừng kinh doanh từ ngày 30/12/2020.

(3) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn đang làm thủ tục giải thể, Tổng công ty không xem xét trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do số vốn đầu tư của Tổng Công ty khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn giải thể được hoàn trả dưới hình thức cán trừ cho vay tại thuyết minh số V.15.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH MTV Phát triển khu công nghệ cao TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Xây dựng công trình công nghiệp
Công ty TNHH MTV Phát triển CVPM Quang Trung	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, khai thác hạ tầng kỹ thuật viễn thông
Công ty TNHH CNS Amura Precision	Thành phố Hồ Chí Minh	97,14%	97,14%	Gia công, sản xuất cơ khí
Công ty CP Công nghiệp TM Hữu Nghị	Thành phố Hồ Chí Minh	87,26%	87,26%	Sản xuất, mua bán phụ tùng



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Sangor (Việt Nam)	Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng
Công ty TNHH Công nghệ mới Việt - Nga	Thành phố Hồ Chí Minh	68,33%	68,33%	Sản xuất, kinh doanh máy phát điện chạy bằng sức gió
Công ty CP Công nghệ Định vị Sài Gòn Track	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Công ty CP Nhựa Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa
Công ty CP BDS SG Đông Dương	Thành phố Hồ Chí Minh	49,14%	49,14%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Chỉ sợi cao su V.R.G SADO	Tỉnh Đồng Nai	49,06%	49,06%	Sản xuất, kinh doanh sợi cao su

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP SAHABAK	Tỉnh Bắc Kạn	45,06%	45,06%	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa
Công ty CP Đầu tư TM Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	29,00%	29,00%	Buôn bán sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
Công ty CP Cao su Bến Thành	Thành phố Hồ Chí Minh	19,86%	19,86%	Sản xuất băng tải cao su, dây courroie
Công ty CP Du lịch Sài Gòn - Đồng Hà Tỉnh Quảng Trị		7,76%	7,76%	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
Công ty TNHH TMDV Kinh doanh Hoa Mai	Thành phố Hồ Chí Minh	6,49%	6,49%	Kinh doanh bất động sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết: Xem Thuyết minh số 2 mục VIII.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

DVT: VND

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Ngọc Thu (N.Q Sanh)	231.191.886	(231.191.886)	231.191.886	(231.191.886)
Công ty Cổ Phần Kiến Trúc PI	377.818.800	(377.818.800)	377.818.800	(377.818.800)
Công ty CP Thanh Mỹ	498.254.799	(498.254.799)	498.254.799	(498.254.799)
Người bán khác	983.663.088	(39.411.088)	1.093.051.088	(39.411.088)
Cộng	2.090.928.573	(1.146.676.573)	2.200.316.573	(1.146.676.573)

5. Các khoản phải thu khác:

a. Ngắn hạn:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	35.104.026.892	-	24.651.408.794	-
<i>Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp phần mềm Quang Trung</i>	24.230.948.187	-	23.901.408.794	-
<i>Công ty CP ĐTPT Gia Định</i>	-	-	750.000.000	-
<i>Công ty CP cao su Bến Thành</i>	2.457.578.000	-	-	-
<i>Công ty CP cao su Thống Nhất</i>	8.415.500.705	-	-	-
- Lãi dự thu	37.448.767.123	-	5.389.109.589	-
- Tạm ứng	1.847.961.060	-	4.782.340.060	-
- Ký quỹ, ký cược	52.000.000	-	52.000.000	-
- Công ty TNHH CNS Amura Precision (1)	241.326.040.394	-	294.921.161.677	-
+ <i>Giá trị tài sản bàn giao</i>	223.762.590.038	-	259.535.019.362	-
+ <i>Khấu hao TSCĐ cho thuê hoạt động tạm bàn giao, chưa ký Hợp đồng thuê</i>	3.352.122.048	-	21.174.814.007	-
+ <i>Các khoản khác</i>	14.211.328.308	-	14.211.328.308	-
- Công ty CP Bất động sản Sài Gòn Đông Dương (2)	68.297.053.940	(4.297.053.940)	68.297.053.940	(3.007.937.758)
+ <i>Tiền góp vốn hợp tác</i>	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
+ <i>Phải thu cho mượn vốn</i>	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
+ <i>Phải thu khác</i>	4.297.053.940	(4.297.053.940)	4.297.053.940	(3.007.937.758)
- Phải thu các khoản cho mượn vốn	26.112.172.652	(19.538.294.148)	24.989.599.416	(17.960.771.204)
+ <i>Công ty CP Chi sơ Cao su V.R.G Sado</i>	17.597.714.319	(11.023.835.815)	16.475.141.083	(9.446.312.871)
+ <i>Công ty CP SAHABAK</i>	7.943.208.333	(7.943.208.333)	7.943.208.333	(7.943.208.333)
+ <i>Công ty CP Chứng khoán SJC</i>	571.250.000	(571.250.000)	571.250.000	(571.250.000)
- Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh(3)	10.723.091.999	-	10.723.091.999	-
- Cục thi hành án dân sự tp HCM(4)	11.167.192.228	-	-	-
- Phải thu khác	22.922.149.296	(510.681.334)	29.869.169.086	(510.681.334)
Cộng	455.000.455.584	(24.346.029.422)	463.674.934.561	(21.479.390.296)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

5. Các khoản phải thu khác (Tiếp theo):

b. Dài hạn	Giá trị		Dự phòng	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	19.210.000	-	19.210.000	-
Cộng	19.210.000	-	19.210.000	-
c. Trong đó phải thu khác bên liên quan	363.900.974.663	(23.264.098.088)	412.256.618.886	(20.397.458.962)

(1) Chi tiết tại thuyết minh số VIII.4a.

(2) Chi tiết tại thuyết minh số VIII.4b.

(3) Khoản phải thu liên quan đến chi phí bán đấu giá và tiền thu được từ bán tài sản trên khu đất 462 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

(4) Chi tiết tại thuyết minh số VIII.4e.

6. Hàng tồn kho:

Chi tiết hàng tồn kho:	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	573.124.283.876	-	581.502.969.485	-
Công cụ, dụng cụ	226.449.594	-	70.416.867	-
Chi phí SX, KD dở dang	7.652.189.093	-	11.924.957.771	-
Thành phẩm	205.214.793.249	-	196.877.257.020	-
Cộng	786.217.715.812	-	790.375.601.143	-

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm	1.692.040.759	1.692.040.759
Phần mềm ERP (4)	1.232.040.759	1.232.040.759
Phần mềm quản lý nhân sự	460.000.000	460.000.000
- Xây dựng cơ bản	225.491.985.975	225.099.811.666
Công trình 322-323-324 Bến Chương Dương Q1 (1)	33.232.811.596	33.232.811.596
Công ty TNHH CNS AMURA Precision (2)	35.462.338.486	35.182.891.450
Công ty TNHH CN mới Việt Nga (Điện gió) (3)	125.565.246.050	125.452.518.777
Nhà máy Chíp Điện Tử (Vi Mạch) (4)	11.385.849.840	11.385.849.840
Dự án khác (4)	19.845.740.003	19.845.740.003
Cộng	227.184.026.734	226.791.852.425

(1) Tên dự án: Dự án đầu tư Cao ốc văn phòng 322 Bến Chương Dương;

- Chủ đầu tư: Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV;

- Địa điểm: 322-323-324 đường Bến Chương Dương (nay là số 522 đường Võ Văn Kiệt), Phường Cầu Kho, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Mục tiêu: Xây dựng cao ốc Văn Phòng;

- Tổng vốn đầu tư: 71.268.549.000 đồng (bao gồm thuế);

- Quy mô: 324.8m²

- Tình trạng dự án: Hiện tại Tổng Công ty đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai dự án.

(2) Chi tiết tại thuyết minh số VIII.4a

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

DVT: VND

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo):

- (3) Tên dự án: Dự án Nhà máy điện gió Công Hải - Giai đoạn 1;
 - Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV;
 - Địa điểm: Xã Công Hải, Huyện Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận;
- Mục tiêu: Đầu tư sản xuất thử nghiệm Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, 2 hệ cánh đồng trục và lắp đặt, vận hành thử nghiệm xác định các thông số kỹ thuật nhất là hiệu suất để đánh giá công nghệ so với công nghệ một cánh hiện tại. Khi kết quả thử nghiệm thành công, sẽ chuyển nhượng Tổ máy phát điện để sản xuất kinh doanh điện, và sẽ tiếp nhận công nghệ để tổ chức sản xuất các tuabin tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tổng vốn đầu tư: 270.315.600.273 đồng;
 - Quy mô: 03 tổ máy phát điện, công suất 3MW (mỗi tổ máy phát điện 1MW);
 - Tình trạng dự án: Đang thực hiện sản xuất và đã gia hạn bàn giao, lần gần nhất là tháng 12 năm 2021 xin gia hạn thêm 17 tháng.
- (4) Bao gồm một số dự án không tiếp tục đầu tư với tổng giá trị lũy kế đến 31/12/2021 là: 30.491.186.928 đồng. Chi phí đầu tư của các dự án này sẽ được xử lý sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	308.748.728	5.938.816.323	6.247.565.051
Tăng khác (phân loại lại)	51.927.320	-	51.927.320
Số dư cuối năm	360.676.048	5.938.816.323	6.299.492.371
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.174.973	5.926.257.408	5.932.432.381
Khấu hao trong năm	-	12.558.915	12.558.915
Số dư cuối năm	6.174.973	5.938.816.323	5.944.991.296
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	302.573.755	12.558.915	315.132.670
Số dư cuối năm	354.501.075	-	354.501.075

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.938.816.323 đồng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	496.878.013.572	639.039.806.095	24.711.847.739	32.943.306.263	1.193.572.973.669
Mua trong năm	308.280.000	-	-	139.605.455	447.885.455
Giảm khác (phân loại lại)	(51.927.320)	-	-	-	(51.927.320)
Số dư cuối năm	497.134.366.252	639.039.806.095	24.711.847.739	33.082.911.718	1.193.968.931.804
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	146.787.915.652	505.353.721.602	24.291.202.784	32.007.843.377	708.440.683.415
Khấu hao trong năm	22.173.793.104	42.123.245.332	317.712.534	937.892.806	65.552.643.776
Số dư cuối năm	168.961.708.756	547.476.966.934	24.608.915.318	32.945.736.183	773.993.327.191
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	350.090.097.920	133.686.084.493	420.644.955	935.462.886	485.132.290.254
Số dư cuối năm	328.172.657.496	91.562.839.161	102.932.421	137.175.535	419.975.604.613

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 405.537.628.603 đồng.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: Không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: Không có.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

10. Chi phí trả trước:	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	743.255.210	1.939.701.459
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	355.232.746	551.735.142
Chi phí tiền thuê đất	124.770.000	27.671.875
Chi phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	1.826.517
Các khoản chi phí khác	263.252.464	1.358.467.925
b. Dài hạn	84.252.298.587	90.690.807.841
Chi phí thuê đất (*)	82.819.346.229	86.019.387.777
Chi phí sử dụng đất phi nông nghiệp	-	28.777.518
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.432.952.358	4.642.642.546
Cộng	84.995.553.797	92.630.509.300

(*) Chi phí thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê với nội dung chi tiết như sau:

- Thuê đất tại số D11/II-D18/II đường số 5, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 42.295 m². Thời hạn thuê đất là 45 năm đến ngày 02/07/2047, giá trị thuê đất còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 31/12/2021 là 28.632.508.054 đồng.

- Thuê đất tại lô số 26 và 28, đường số 3, Khu công nghiệp Tân Tạo, H. Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích là 16.500 m² và 11.203,5 m². Thời hạn thuê đất đến ngày 17/06/2047, giá thuê đất còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 31/12/2021 là 15.500.049.213 đồng.

- Thuê đất tại lô 26, khu C, Khu công nghiệp Hiệp Phước, H. Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 20.000 m², thời hạn thuê đất đến ngày 29/12/2048, giá trị đất còn lại chưa phân bổ tại thời điểm 31/12/2021 là 38.686.788.962 đồng.

11. Phải trả người bán ngắn hạn:	Số cuối năm	Số đầu năm
T-Tech International Limited	116.602.946.868	118.267.220.772
Công ty British American Tobacco	33.609.776.583	39.972.535.797
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT - Vinataba	92.882.293.761	125.144.594.960
Người bán khác	30.094.683.939	26.400.450.515
Cộng	273.189.701.151	309.784.802.044

Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

12. Người mua trả tiền trước:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Thuốc lá An Giang	300.000.000	300.000.000
Công ty Thuốc lá Cửu Long	218.369.880	300.000.000
Các khách hàng khác	678.575.640	229.824.340
Cộng	1.196.945.520	829.824.340

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Khoản mục	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng nội địa	18.869.847.169	-	320.494.791.264	316.653.966.726	22.710.671.707	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	81.227.593.462	81.227.593.462	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	182.796.568.857	-	2.385.945.407.965	2.374.421.355.520	194.320.621.302	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	253.773.052	33.447.439.061	33.327.910.141	-	134.244.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.060.176.868	54.710.718.995	33.161.000.000	3.489.542.127	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.442.284.149	10.407.757.827	13.007.198.551	-	7.041.724.873
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	45.158.000	-	-	-	45.158.000	-
Các loại thuế khác	450.806.273	-	501.837.345	672.719.803	279.923.815	-
Các khoản phải nộp khác	-	25.434.583.544	120.386.168.567	60.691.000.000	34.260.585.023	-
Cộng	202.162.380.299	48.190.817.613	3.007.121.714.486	2.913.162.744.203	255.106.501.974	7.175.969.005

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

	Số cuối năm	Trong năm		Số đầu năm
		Tăng	Giảm	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn	19.752.000.000	-	-	19.752.000.000
Cộng	19.752.000.000	-	-	19.752.000.000

(*) Hợp đồng vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn số 03-2011/HĐVV ngày 01/03/2021, hạn mức tín dụng 19.752.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 0,01%/tháng. Dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 19.752.000.000 đồng. Công ty dự kiến cần trừ khoản vay nêu trên với khoản mục đầu tư góp vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ cao Sài Gòn khi Công ty làm thủ tục giải thế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê máy móc	973.911.352	920.349.403
Chi phí bản quyền	400.004.605	276.477.130
Đồng phục	-	958.097.179
Chi phí khác	130.212.460	-
Cộng	1.504.128.417	2.154.923.712

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	2.299.786	2.299.786
Kinh phí công đoàn	863.081.388	347.566.690
Bảo hiểm y tế	41.671.808	15.749.744
Bảo hiểm thất nghiệp	190.594	6.086.961
Quỹ phòng chống tác hại thuốc lá	4.705.564.324	4.874.575.170
Công ty CP Đầu tư kinh doanh Điện lực TP.HCM (*)	31.122.853.312	31.122.853.312
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
Phải trả, phải nộp khác	12.967.950.592	13.190.172.369
Cộng	49.803.611.804	49.659.304.032

(*) Khoản phải trả về nhận vốn góp theo Hợp đồng và các phụ lục Hợp đồng hợp tác thực hiện dự án "Tổ máy phát điện chạy bằng sức gió, hệ hai cánh đồng trục InS-W-1000" ngày 17 tháng 01 năm 2013 giữa Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV ("CNS") và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh ("Tradincorp"). Tổng vốn góp vào dự án là 119.827.231.889 đồng, trong đó mỗi bên góp 50% vốn. Thông tin chi tiết của dự án tại thuyết minh số V.7.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu:**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu:**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư Xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư cuối năm trước	2.608.462.000.000	126.992.569.242	-	8.008.627	2.735.462.577.869
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	198.357.117.362	-	198.357.117.362
Nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước	-	-	(91.465.038.233)	-	(91.465.038.233)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	50.285.264.289	(50.285.264.289)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(56.606.814.840)	-	(56.606.814.840)
Số dư cuối năm nay	2.608.462.000.000	177.277.833.531	-	8.008.627	2.785.747.842.158
Số dư đầu năm nay	2.608.462.000.000	177.277.833.531	-	8.008.627	2.785.747.842.158
Lợi nhuận trong năm	-	-	246.754.108.982	-	246.754.108.982
Nộp lợi nhuận về ngân sách nhà nước	-	-	(120.383.168.567)	-	(120.383.168.567)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	74.026.232.695	(74.026.232.695)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(52.344.707.720)	-	(52.344.707.720)
Số dư cuối năm nay	2.608.462.000.000	251.304.066.226	-	8.008.627	2.859.774.074.853

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

17. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo):**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị	Tỷ lệ vốn góp
Ủy ban Nhân dân TP.HCM	2.608.462.000.000	100%	2.608.462.000.000	100%
Cộng	<u>2.608.462.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>2.608.462.000.000</u>	<u>100%</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	2.608.462.000.000	2.608.462.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	2.608.462.000.000	2.608.462.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	<u>120.383.168.567</u>	<u>91.465.038.233</u>

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**a. Ngoại tệ các loại**

Chi tiết tại thuyết minh số V.1

b. Tài sản thuê ngoài

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm tại khu đất số 347 Lê Đức Thọ, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu đất số 2/194A Quang Trung, Phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh; Khu đất số 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, khu đất số 37/12 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 13.951,8 m² để sử dụng mục đích kinh doanh. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn theo quy định hiện hành.

Tổng công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền một lần với mục đích xây dựng nhà máy sản xuất theo thông tin Thuyết minh số V.11.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐKD**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.427.814.552.148	3.116.122.793.194
Doanh thu khác	82.154.770.804	93.900.850.468
Cộng	<u>3.509.969.322.952</u>	<u>3.210.023.643.662</u>

Trong đó, doanh thu đối với bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ Phần Đầu tư Thương mại Bến Thành	20.852.760.316	300.402.216.284

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	17.302.326.182	-
Cộng	<u>17.302.326.182</u>	<u>-</u>

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Doanh thu thuần bán hàng	3.410.512.225.966	3.116.122.793.194
Doanh thu thuần khác	82.154.770.804	93.900.850.468
Cộng	3.492.666.996.770	3.210.023.643.662
4. Giá vốn hàng bán:		
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.957.563.524.118	2.738.156.279.053
Giá vốn khác	56.678.460.167	50.282.596.298
Cộng	3.014.241.984.285	2.788.438.875.351
5. Doanh thu hoạt động tài chính:		
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	58.199.249.540	28.098.146.317
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.640.026.892	31.058.259.664
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.001.574.768	1.073.140.305
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	950.233.966	-
Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán	1.342.543.863	-
Cộng	96.133.629.029	60.229.546.286
6. Chi phí tài chính:		
Lãi tiền vay	-	281.322.864
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và tổn thất đầu tư	43.225.025.916	22.488.912.228
Chiết khấu thương mại	115.040.020	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.041.472.855	2.041.096.246
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	115.219.636	-
Cộng	48.496.758.427	24.811.331.338
7. Chi phí bán hàng:		
Chi phí nhân công	836.573.973	844.103.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.472.210	1.645.733.037
Chi phí bằng tiền khác	300.532.084	14.509.091
Cộng	1.978.578.267	2.504.345.416
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp:		
Chi phí vật liệu quản lý	3.542.198.428	4.453.553.357
Chi phí nhân viên quản lý	82.771.031.184	67.887.712.620
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.550.563.140	7.658.168.139
Thuế, phí và lệ phí	8.666.222.791	10.888.155.293
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng tiền lương	2.917.009.126	6.036.439.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.280.204.982	16.320.092.319
Chi phí bằng tiền khác	106.846.239.402	103.528.392.628
Cộng	222.573.469.053	216.772.514.328

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
9. Thu nhập khác:		
Thu nhập từ hỗ trợ chi phí sản xuất của BAT	346.500.000	2.491.631.004
Thu nhập khác	677.969.478	1.751.836.862
Cộng	1.024.469.478	4.243.467.866
10. Chi phí khác:		
Các khoản bị phạt, chậm nộp	433.615	569.852.612
Chi phí khác	1.069.043.653	276.424.456
Cộng	1.069.477.268	846.277.068
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	301.464.827.977	241.123.314.313
2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	6.739.478.251	3.765.930.104
- Chi phí không được trừ khác	6.739.478.251	3.765.930.104
3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	34.650.711.252	31.058.259.664
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.650.711.252	31.058.259.664
4. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2-3)	273.553.594.976	213.830.984.753
5. Thu nhập được miễn thuế	-	-
6. Thu nhập tính thuế (4+5)	273.553.594.976	213.830.984.753
7. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
8. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>54.710.718.995</u>	<u>42.766.196.951</u>
12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu	2.671.814.561.705	2.462.939.884.007
Chi phí nhân công	201.622.430.020	203.119.836.983
Chi phí khấu hao tài sản cố định	65.552.643.776	74.084.843.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.641.197.203	72.404.539.802
Chi phí khác bằng tiền	190.924.261.031	156.703.024.844
Cộng	3.180.555.093.735	2.969.252.129.142

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1. Số tiền đi vay thực thu và số tiền thực trả nợ vay trong kỳ:		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	343.354.452.073
Tiền trả gốc vay theo kế ước thông thường	-	(343.354.452.073)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính:**

Các công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	685.256.335.818	-	517.524.671.176	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	400.831.046.643	(24.121.903.671)	438.613.170.184	(21.204.894.545)
Các khoản cho vay	600.000.000.000	-	450.000.000.000	-
Tổng cộng	1.686.087.382.461	(24.121.903.671)	1.406.137.841.360	(21.204.894.545)
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ			19.752.000.000	19.752.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			322.993.312.955	359.444.106.076
Chi phí phải trả			1.504.128.417	2.154.923.712
Tổng cộng			344.249.441.372	381.351.029.788

Tài sản tài chính và nợ phải trả chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh toán. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quá trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu sự rủi ro khi sự có thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền khác với Đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	685.256.335.818	-	-	685.256.335.818
Phải thu khách hàng, phải thu khác	491.930.527.564	19.210.000	-	491.949.737.564
Các khoản cho vay	600.000.000.000	-	-	600.000.000.000
	1.777.186.863.382	19.210.000	-	1.777.206.073.382

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	517.524.671.176	-	-	517.524.671.176
Phải thu khách hàng, phải thu khác	490.031.485.859	19.210.000	-	490.050.695.859
Các khoản cho vay	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
	1.457.556.157.035	19.210.000	-	1.457.575.367.035

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	19.752.000.000	-	-	19.752.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	322.993.312.955	-	-	322.993.312.955
Chi phí phải trả	1.504.128.417	-	-	1.504.128.417
	344.249.441.372	-	-	344.249.441.372

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	19.752.000.000	-	-	19.752.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	359.444.106.076	-	-	359.444.106.076
Chi phí phải trả	2.154.923.712	-	-	2.154.923.712
	381.351.029.788	-	-	381.351.029.788

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với nợ phải trả là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: 58-60 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

2. Giao dịch với các bên liên quan:

Thông tin về các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh IV.22.

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng và phụ cấp	1.130.076.078	1.055.709.139

b. Giao dịch với các bên liên quan khác trong kỳ

Trong năm tài chính, phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau :

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
b.1 Nộp lợi nhuận		60.688.000.000	125.196.537.528
Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	Chủ sở hữu	60.688.000.000	125.196.537.528
b.2 Mua hàng hóa, dịch vụ		345.619.885	563.000.000
Công ty TNHH MTV PT Công viên Phần mềm Quang Trung	Công ty con	345.619.885	563.000.000
b.3 Cổ tức, lợi nhuận được chia		26.974.526.187	30.977.631.853
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	Công ty con	26.688.526.187	29.998.986.794
Công ty TNHH Cao su Thống Nhất	Công ty con	-	718.645.059
Công ty Cổ phần Cơ khí Sinco	Công ty con	286.000.000	260.000.000
b.4 Lãi cho vay		330.103.156.866	302.202.540.292
Công ty CP Chi sợi Cao su V.R.G SADO	Công ty liên kết	-	1.800.324.008
b.5 Bán hàng		330.103.156.866	300.402.216.284
Công ty CP Đầu tư Thương mại Bến Thành	Công ty liên kết	330.103.156.866	300.402.216.284
b.6 Phải thu khách hàng ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định	Công ty nhận đầu tư	24.000.000	24.000.000
Công ty CP Nhựa Sài Gòn	Công ty liên kết	100.740.000	100.740.000
b.7 Phải thu ngắn hạn khác		363.900.974.663	412.256.618.886
Công ty CP Cao su Bến Thành	Công ty liên kết	2.457.578.000	
Công ty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	Công ty liên kết	68.297.053.940	68.297.053.940
Công ty TNHH CNS Amura Precision	Công ty con	243.363.787.524	294.921.161.677
Cty CP chỉ sợi cao su V.R.G SA DO	Công ty liên kết	17.597.714.319	16.475.141.083
Công ty CP SAHABAK	Công ty liên kết	7.943.208.333	7.943.208.333
Công ty TNHH MTV PT Công viên Phần mềm Quang Trung	Công ty con	24.230.948.187	23.901.408.794
Công ty TNHH MTV Cao su Thống Nhất	Công ty con	-	718.645.059
Công ty CP Định vị Sài Gòn Track	Công ty liên kết	10.684.360	-

3. Thông tin về hoạt động liên tục:

Không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh kể từ ngày khóa sổ kế toán cho đến ngày công bố báo cáo này gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

4. Thông tin khác:

a. Dự án thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí chính xác

Dự án Thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí chính xác cao do Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV ("CNS") làm chủ đầu tư theo chủ trương được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua theo Quyết định số 5831/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2010.

Căn cứ Công văn số 826/VP-CNN ngày 14/02/2012 của Văn phòng Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc các dự án đầu tư của CNS. Theo đó, chấp thuận cho CNS thành lập Công ty TNHH CNS Amura Precision ("CAP") để thực hiện dự án. Ngày 02/05/2012, CNS đã ký hợp đồng liên doanh với hai đối tác để thành lập Công ty TNHH CNS Amura Precision theo Giấy chứng nhận đầu tư số 413022000060 do ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/09/2020 chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 04/12/2014.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-CAP-HĐTV ngày 12/07/2016, Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phê duyệt các nội dung như sau:

- Đồng ý cho CNS trực tiếp đứng ra đầu tư xây dựng Nhà xưởng cho CAP với tư cách là chủ đầu tư của dự án này. Sau khi hoàn thành, CNS sẽ bàn giao lại Nhà xưởng cho CAP;

- Đồng ý xóa toàn bộ giá trị đầu tư máy móc thiết bị, xây dựng Nhà xưởng... của CNS vào CAP, CAP sẽ hoàn trả lại cho CNS theo kế hoạch hoàn vốn hoặc chuyển thành vốn góp thêm của CNS vào CAP (tùy theo tình hình thực tế của CNS và CAP).

Theo đó, dự án được CNS đầu tư và theo dõi trên khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, sau khi nghiệm thu hoàn thành sẽ lập Biên bản tạm bàn giao, tiếp nhận tổng hợp tài sản hình thành từ đầu tư dự án cho đơn vị thụ hưởng là Công ty TNHH CNS Amura Precision. Tại thời điểm 31/12/2021, tổng chi phí đầu tư dự án đã bàn giao cho Công ty TNHH CNS Amura Precision được ghi nhận một khoản phải thu với giá trị 259.535.019.362 đồng. Và số chi phí đầu tư xây dựng bản còn lại Tổng Công ty đã hoàn thành và nghiệm thu đang theo dõi trên tài sản hữu hình (theo nguyên tắc ghi nhận tài sản) là 35.462.338.486 đồng. Các khoản mục này sẽ được xử lý sau khi Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt hình thức chuyển giao chi phí đầu tư của dự án.

b. Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương

Tổng Công ty ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/CNS-CNS LAND ngày 01/02/2010 và các phụ lục với Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương ("CNS Land") để hợp tác đầu tư xây dựng Tòa nhà thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại số 131 Lê Lợi, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chi tiết như sau:

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV và Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Đông Dương.

- Vốn đầu tư của dự án dự kiến khoảng 500 tỷ đồng, bao gồm vốn chủ sở hữu 100 tỷ đồng, vốn vay 150 tỷ đồng và vốn huy động từ khách hàng là 250 tỷ đồng. Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu của dự án, Tổng Công ty góp 60% tương ứng 60 tỷ đồng (Thuyết minh số V.6a) và CNS Land góp 40% tương ứng 40 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế của dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn. Lợi nhuận sẽ được thanh toán cho các bên trong vòng 10 ngày làm việc sau khi Ban điều hành dự án đã chấp nhận và ký phê duyệt các báo cáo tài chính năm. Trường hợp lỗ thì sẽ phân chia trách nhiệm cho các bên theo tỷ lệ góp vốn.

Về quyền sử dụng đất của dự án, Tổng Công ty cam kết trong trường hợp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ ghi tên của Tổng Công ty thay vì ghi tên của Tổng Công ty và CNS Land, thì khu đất, quyền sử dụng đất và tài sản của dự án vẫn là tài sản chung của Tổng Công ty và CNS Land, không phải là tài sản riêng của Tổng Công ty. Mỗi bên đều sẽ không tự ý sử dụng, khai thác, định đoạt bất kỳ vấn đề gì liên quan đến khu đất, quyền sử dụng đất và tài sản của dự án (bao gồm không giới hạn việc chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, góp vốn, bảo lãnh) mà không có ý kiến đồng ý bằng văn bản của bên kia.

Tại thời điểm 01/01/2021 đến 31/12/2021, Tổng Công ty chưa ghi nhận kết quả kinh doanh của dự án theo báo cáo tài chính của CNS Land tương ứng với tỷ lệ phân chia theo hợp đồng hợp tác kinh doanh do CNS Land chưa thực hiện quyết toán dự án.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: số 58-60, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

c. Thông tin kết luận thanh tra của cơ quan điều tra

Ngày 26/01/2021, Cục An ninh kinh tế - Bộ Công An đã có quyết định khởi tố vụ án "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" theo Điều 219 Bộ luật Hình sự 2015 tại Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV. Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty có thể bị ảnh hưởng (nếu có) theo kết luận của cơ quan điều tra nêu trên.

d. Thông tin kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ tài chính

Ngày 27/10/2021, Thanh tra Bộ tài chính ban hành Kết luận thanh tra về việc chấp hành pháp luật về tài chính, kế toán và thuế tại Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV đến thời điểm 31/12/2020. Do đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được hiệu chỉnh sai sót kế toán theo kết luận của Thanh tra Bộ tài chính.

e. Thông tin về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Ngày 11/05/2018, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 470/2018/DS-PT về việc tranh hợp đồng vay tài sản. Qua đó, Tổng Công ty liên đới chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư DDA số tiền nợ gốc: 54.945.465.052 đồng và tiền lãi đến ngày 25/01/2018 là 71.703.831.892 đồng. Tổng Công ty chưa đồng ý với kết luận của bản án và đang làm hồ sơ Giám đốc thẩm. Trong năm 2021, Tổng Công ty đã bị khấu trừ tiền trong tài khoản để thi hành án với số tiền 11.167.192.228 đồng.

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại thành phố Hồ Chí Minh kiểm toán và đã được điều chỉnh lại do áp dụng hồi tố để hiệu chỉnh sai sót kế toán theo kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính ngày 27/10/2021, một số chỉ tiêu ảnh hưởng như sau:

a. Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm trên báo cáo năm nay	Điều chỉnh	Số cuối kỳ trên báo cáo năm trước
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	2.298.668.814.066	11.568.595.993	2.287.100.218.073
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	468.896.173.422	36.751.346.095	432.144.827.327
Phải thu ngắn hạn khác	136	463.674.934.561	36.751.346.095	426.923.588.466
Tài sản ngắn hạn khác	150	71.872.368.325	(25.182.750.102)	97.055.118.427
Thuế và các khoản phải thu NN	153	55.569.053.608	(25.182.750.102)	80.751.803.710
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.504.774.290.601	330.104.710	1.504.444.185.891
Đầu tư tài chính dài hạn	250	701.824.997.411	330.104.710	701.494.892.701
DP đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(274.438.671.894)	330.104.710	(274.768.776.604)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	3.803.443.104.667	11.898.700.703	3.791.544.403.964
NỢ PHẢI TRẢ	300	978.769.033.445	11.898.700.703	966.870.332.742
Nợ ngắn hạn	310	811.987.661.513	11.898.700.703	800.088.960.810
Người mua trả tiền trước NH	312	829.824.340	(78.500.000)	908.324.340
Thuế và các khoản phải nộp NN	313	209.540.616.294	11.977.200.703	197.563.415.591
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	3.803.443.104.667	11.898.700.703	3.791.544.403.964

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP SÀI GÒN - TNHH MTV

Địa chỉ: số 58-60, đường Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

ĐVT: VND

5. Thông tin so sánh (tiếp theo):**b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm trên báo cáo năm nay	Điều chỉnh	Số cuối kỳ trên báo cáo năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.210.023.643.662	42.548.037.056	3.167.475.606.606
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3.210.023.643.662	42.548.037.056	3.167.475.606.606
Giá vốn hàng bán	11	2.788.438.875.351	34.937.209.522	2.753.501.665.829
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	421.584.768.311	7.610.827.534	413.973.940.777
Doanh thu hoạt động tài chính	21	60.229.546.286	24.620.053.853	35.609.492.433
Chi phí tài chính	22	24.811.331.338	(330.104.710)	25.141.436.048
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	237.726.123.515	32.560.986.097	205.165.137.418
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	241.123.314.313	32.560.986.097	208.562.328.216
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	42.766.196.951	1.821.416.364	40.944.780.587
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	198.357.117.362	30.739.569.733	167.617.547.629



BÙI QUANG PHỤNG
PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN



Ngày HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2022
NGUYỄN PHƯƠNG ĐÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC